

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAK PƠ**

Số: 125 /NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đak Pơ, ngày 20 tháng 7 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**V/v điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ
nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện
02 chương trình mục tiêu Quốc gia**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN ĐAK PƠ
KHÓA IV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và
Luật tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019; Luật sửa đổi Luật Đầu tư công, Luật
Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu,
Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thu đặc biệt và Luật Thi hành
án dân sự năm 2022;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

*Căn cứ Quyết định số 04/2023/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng
Chính phủ về mức hỗ trợ và cơ chế hỗ trợ sử dụng vốn đầu tư công để thực hiện
một số nội dung thuộc Dự án 1 và Tiểu dự án 1, Dự án 4 của Chương trình mục
tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi
giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 132/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của HĐND tỉnh Gia
Lai về giao Kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước giai
đoạn 2021-2025 thực hiện 03 chương trình mục tiêu Quốc gia;*

*Căn cứ Nghị quyết 214/NQ-HĐND ngày 07/4/2023 của HĐND tỉnh Gia Lai
về việc giao bổ sung Kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung
ương thực hiện các chương trình mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 466/QĐ-UBND ngày 19/7/2022 của UBND tỉnh Gia
Lai về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước giai
đoạn 2021-2025 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 20/4/2023 của UBND tỉnh Gia
Lai về việc giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung
ương thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;*



Căn cứ Nghị quyết số 84/NQ-HĐND ngày 22/8/2022 của HĐND huyện Đak Pơ về việc giao Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện 02 chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 của HĐND huyện Đak Pơ về việc điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện 02 chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 439/QĐ-UBND ngày 24/8/2022 của UBND huyện Đak Pơ về việc giao Kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện 02 Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 783/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND huyện Đak Pơ về việc điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện 02 chương trình mục tiêu quốc gia;

Xét Tờ trình số 90/TTr-UBND ngày 07/7/2023 của UBND huyện về việc đề nghị điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện 02 chương trình mục tiêu Quốc gia; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện và ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND huyện tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện 02 chương trình mục tiêu quốc gia, cụ thể như sau:

1. Giao Bổ sung kế hoạch vốn đối với vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới: 1.892 triệu đồng, cụ thể:

UBND xã Yang Bắc: Mương thoát nước làng Bung Bang Hven: 492 triệu đồng.

UBND xã Ya Hội: Tràn liên hợp cống qua suối Hway đường nội đồng làng Groi 1 đi khu sản xuất làng ghép (cũ): 1.400 triệu đồng.

2. Điều chỉnh Phụ lục 1, Phụ lục 2.1 đối với tiểu Dự án 1 - Dự án 4 về đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS và MN.

Điều chỉnh nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia tại Phụ lục 1, Phụ lục 2.1 đối với tiểu Dự án 1 - Dự án 4 từ 11.952 triệu đồng thành 12.800 triệu đồng. Theo Quyết định số 04/2023/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về mức hỗ trợ và cơ chế hỗ trợ sử dụng vốn đầu tư công để thực hiện một số nội dung thuộc Dự án 1 và Tiểu dự án 1, Dự án 4 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 quy định “**Ngân sách trung ương hỗ trợ bình quân 1.600 triệu đồng/km để đầu tư cứng hóa đường đến trung tâm xã chưa được cứng hóa**”.

3. Điều chỉnh Phụ lục 4, Phụ lục 4.1 nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ huyện đạt chuẩn nông thôn mới. Cụ thể như sau:

Điều chỉnh Tên đơn vị/Danh mục công trình “Khu xử lý rác thải huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai” thành Tên đơn vị/Danh mục công trình “Đường liên xã An Thành đi Trung tâm huyện (từ Quốc lộ Trường Sơn Đông đến tổ dân phố 4, thị trấn Đak Pơ) - giai đoạn 1”: 6.618 triệu đồng.

(Phụ lục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 84/NQ-HĐND ngày 22/8/2022 của HĐND huyện Đak Pơ về việc giao Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện 02 chương trình mục tiêu quốc gia và Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 của HĐND huyện Đak Pơ về việc đề nghị điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện 02 chương trình mục tiêu quốc gia.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Giao UBND huyện tổ chức triển khai Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được HĐND huyện Đak Pơ khóa IV, Kỳ họp thứ Mười hai thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. ranh

Nơi nhận :

- TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và ĐT;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- UBND huyện; UBMTTQ huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Các đại biểu HĐND huyện;
- VP Huyện ủy;
- VP. HĐND&UBND huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành huyện;
- Các đơn vị Tỉnh, TW đứng chân trên địa bàn huyện;
- TT. HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Trung tâm VH TT & TT; Công TTĐT huyện (công bố);
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Lê Thị Thanh Mai

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN 02 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Nghị quyết số: **125** /NQ-HĐND ngày 20 /7/2023 của HĐND huyện Đắk Pơ)

ĐVT: Triệu đồng

DVT: Triệu đồng

Nghị quyết 84/NQ-HĐND và NQ 100/NQ-HĐND										
STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG KẾ HOẠCH VỐN 03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA			CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BẢO DÂN DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI (1)			CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI (2)		
		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025	Trong đó:		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025	Trong đó:		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025	Trong đó:	
			Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh
TỔNG SỐ		80.775	68.930	11.845	57.670	45.825	11.845	23.105	23.105	-
Vốn đề nghị phân bổ		80.278	68.590	11.688	57.173	45.485	11.688	23.105	23.105	-
1	T.trần Đak Pơ	11.003	8.234	2.769	11.003	8.234	2.769			
2	Xã Hà Tam	2.887	2.699	188	596	408	188	2.291	2.291	
3	Xã An Thành	15.164	11.742	3.422	8.960	5.538	3.422	6.204	6.204	
4	Xã Tân An	2.291	2.291	-	-			2.291	2.291	
5	Xã Cư An	2.249	2.249	-	-			2.249	2.249	
6	Xã Phú An	3.483	3.106	377	1.192	815	377	2.291	2.291	
7	Xã Yang Bắc	15.055	12.851	2.204	8.851	6.647	2.204	6.204	6.204	
8	Xã Ya Hội	16.194	13.466	2.728	14.619	11.891	2.728	1.575	1.575	
9	Ban Quản lý DADTXD huyện	11.952	11.952	-	11.952	11.952				
Vốn chưa phân bổ		497	340	157	497	340	157			
Vốn cấp bổ sung										

STT	TÊN ĐƠN VỊ	Nội dung điều chỉnh, bổ sung							
		TỔNG KẾ HOẠCH VỐN 03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA				CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI (1)			
		Trong đó:		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021- 2025	Trong đó:		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021- 2025	Trong đó:	
		Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh
TỔNG SỐ		82.667	11.845	57.670	45.825	11.845	24.997	24.997	
Vốn đề nghị phân bổ		80.278	11.688	57.173	45.485	11.688	23.105	23.105	
1	T. trấn Đak Pơ	10.856	2.769	10.856	8.087	2.769			
2	Xã Hà Tam	2.887	188	596	408	188	2.291	2.291	
3	Xã An Thành	15.017	3.422	8.813	5.391	3.422	6.204	6.204	
4	Xã Tân An	2.291	-	-			2.291	2.291	
5	Xã Cư An	2.249	-	-			2.249	2.249	
6	Xã Phú An	3.483	377	1.192	815	377	2.291	2.291	
7	Xã Yang Bắc	14.859	2.204	8.655	6.451	2.204	6.204	6.204	
8	Xã Ya Hội	15.836	2.728	14.261	11.533	2.728	1.575	1.575	
9	Ban Quản lý DADTXD huyện	12.800	-	12.800	12.800	-			
Vốn chưa phân bổ		497	157	497	340	157			
Vốn cấp bổ sung		1.892	-				1.892	1.892	



Handwritten signature in blue ink.

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

(Kèm theo Nghị quyết số 128/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 của HĐND huyện Đắk Pơ)

STT	Danh mục dự án đầu tư	Tổng vốn đầu tư	Trong đó:	
			Vốn NSTW	Vốn NSDP
	Tổng vốn	57.670	45.825	11.845
1	Dự án 1. Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	15.810	5.615	10.195
2	Dự án 4. Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp lĩnh vực công của lĩnh vực dân tộc	36.228	36.228	
	- Tiểu dự án 1. Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống vùng đồng bào DTTS & MN	36.228	36.228	
3	Dự án 6. Bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của các DTTD gắn với du lịch	5.216	3.566	1.650
4	Dự án 10. Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS & MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	416	416	
	- Tiểu dự án 2. Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS và MN	416	416	

ranb

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025

CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KT-XH VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

(Kèm theo Nghị quyết số: 125 /NQ-HĐND ngày 20 /7/2023 của HĐND huyện Đắk Pơ)

NQ 84/NQ-HĐND và NQ 100/NQ-HĐND															ĐVT: Triệu đồng	
TT	Các đơn vị	Tổng cộng Chương trình	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	Trong đó:				Trong đó:		Trong đó:			
							Tổng vốn	Trong đó:		Tổng vốn	Trong đó:		Tổng vốn	Trong đó:		
								NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP	
Tổng cộng		57.670	45.825	11.845	15.810	5.615	10.195	36.228	36.228	5.216	3.566	1.650	416	416		
Vốn phân bổ		57.173	45.485	11.688	15.810	5.615	10.195	36.228	36.228	4.719	3.226	1.493	416	416		
1	Thị trấn Đak Pơ	11.003	8.234	2.769	5.978	3.464	2.514	4.202	4.202	805	550	255	18	18		
2	Xã Hà Tam	596	408	188						596	408	188				
3	Xã An Thành	8.960	5.538	3.422	4.045	843	3.202	4.202	4.202	695	475	220	18	18		
4	Xã Phú An	1.192	815	377						1.192	815	377				
5	Xã Yang Bắc	8.851	6.647	2.204	2.470	505	1.965	5.602	5.602	755	516	239	24	24		
6	Xã Ya Hội	14.619	11.891	2.728	3.317	803	2.514	10.270	10.270	676	462	214	356	356		
7	Ban Quản lý DA ĐTXD huyện	11.952	11.952					11.952	11.952							
Chưa phân bổ		497	340	157						497	340	157				

ĐVT: Triệu đồng

ĐV 1: Nội dung

Nội dung điều chỉnh, bổ sung															
TT	Các đơn vị	Tổng cộng Chương trình	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc		Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình								
				Tổng vốn	Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN (4)										
		Tổng vốn	Trong đó:		Tổng vốn	NSTW	NSDP	Tổng vốn	NSTW	NSDP	Trong đó:		NSTW	NSDP	
				NSTW	NSDP										
Tổng cộng		57.670	45.825	11.845	15.810	5.615	10.195	36.228	36.228		5.216	3.566	1.650	416	416
Vốn phân bổ		57.173	45.485	11.688	15.810	5.615	10.195	36.228	36.228		4.719	3.226	1.493	416	416
1	Thị trấn Đak Pơ	10.856	8.087	2.769	5.978	3.464	2.514	4.055	4.055		805	550	255	18	18
2	Xã Hà Tam	596	408	188							596	408	188		
3	Xã An Thành	8.813	5.391	3.422	4.045	843	3.202	4.055	4.055		695	475	220	18	
4	Xã Phú An	1.192	815	377							1.192	815	377		
5	Xã Yang Bắc	8.655	6.451	2.204	2.470	505	1.965	5.406	5.406		755	516	239	24	
6	Xã Ya Hội	14.261	11.533	2.728	3.317	803	2.514	9.912	9.912		676	462	214	356	
7	Ban Quản lý DA ĐTXD huyện	12.800	12.800					12.800	12.800						
Chưa phân bổ		497	340	157							497	340	157		

ĐVT

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025**
(Kèm theo Nghị quyết số: 125/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 của HĐND huyện Đắk Pơ)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên xã/Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Nội dung thiết kế (dự kiến)	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		
						Tổng số	NSTW	Trong đó: Vốn huy động
	TỔNG CỘNG				26.880	26.880	24.997	1.883
I	Kế hoạch vốn giai đoạn				24.910	24.910	23.105	1.805
1	Xã Hà Tam				2.546	2.546	2.291	255
1.1	Đường cấp phối thôn 1, xã Hà Tam	Xã Hà Tam	2022	Cấp phối đất đồi chọn lọc, Bn= 6m, Bm=5m, đào rãnh hai bên đường, cống thoát nước qua đường.	184	184	166	18
1.2	Đường cấp phối thôn 2, xã Hà Tam	Xã Hà Tam	2022	Cấp phối đất đồi chọn lọc, Bn= 6m, Bm=5m, đào rãnh hai bên đường, cống thoát nước qua đường.	193	193	174	19
1.3	Đường cấp phối thôn 5, xã Hà Tam	Xã Hà Tam	2022	Cấp phối đất đồi chọn lọc, Bn= 6m, Bm=5m, đào rãnh hai bên đường, cống thoát nước qua đường.	184	184	166	18
1.4	Đường cấp phối làng Hway, xã Hà Tam	Xã Hà Tam	2022	Cấp phối đất đồi chọn lọc, Bn= 6m, Bm=5m, đào rãnh hai bên đường, cống thoát nước qua đường.	184	184	166	18
1.5	Đường cấp phối thôn 1, xã Hà Tam	Xã Hà Tam	2023-2025	Cấp phối đất đồi chọn lọc, Bn= 6m, Bm=5m, đào rãnh hai bên đường, cống thoát nước qua đường.	379	379	341	38
1.6	Đường cấp phối thôn 2, xã Hà Tam	Xã Hà Tam	2023-2025	Cấp phối đất đồi chọn lọc, Bn= 6m, Bm=5m, đào rãnh hai bên đường, cống thoát nước qua đường.	539	539	485	54

STT	Tên xã/Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế (dự kiến)	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		
						Tổng số	Trong đó:	Vốn huy động
						NSTW		
1.7	Đường cấp phối thôn 5, xã Hà Tam	Xã Hà Tam	2023-2025	Cấp phối đất đồi chọn lọc, Bn= 6m, Bm=5m, đào rãnh hai bên đường, cống thoát nước qua đường.	502	502	452	50
1.8	Đường cấp phối làng Hway, xã Hà Tam	Xã Hà Tam	2023-2025	Cấp phối đất đồi chọn lọc, Bn= 6m, Bm=5m, đào rãnh hai bên đường, cống thoát nước qua đường.	379	379	341	38
2	Xã An Thành				6.671	6.671	6.204	467
2.1	Đường giao thông trục chính làng Bút (đường số 02), xã An Thành	Xã An Thành	2022	Nâng cấp, mở rộng mặt đường từ 3,0m lên 5,0m và hệ thống thoát nước. Mặt đường BTXM, dày 20cm, đá 2x4, mác 250	551	551	512	39
2.2	Đường giao thông trục chính làng Kuk Kôn, xã An Thành	Xã An Thành	2022	Nâng cấp, mở rộng mặt đường từ 3,0m lên 5,0m và hệ thống thoát nước. Mặt đường BTXM, dày 20cm, đá 2x4, mác 250	896	896	833	63
2.3	Đường trục chính nội đồng thôn 4, thôn 5, xã An Thành	Xã An Thành	2023-2025	Đường BTXM, đá 2x4, mác 250; dày 20cm; Bn=5m, Bm=3m; Và hệ thống thoát nước	1.999	1.999	1.859	140
2.4	Nhà rông Văn hóa làng Kuk Kôn, xã An Thành	Xã An Thành	2023-2025	Cấp IV, DTXD 180m2 và các hạng mục phụ	1.613	1.613	1.500	113
2.5	Nhà rông Văn hóa làng Kuk Đak, xã An Thành	Xã An Thành	2023-2025	Cấp IV, DTXD 180m2 và các hạng mục phụ	1.613	1.613	1.500	113
3	Xã Tân An				2.546	2.546	2.291	255
3.1	Đường ngõ xóm thôn Tân Định, xã Tân An	Xã Tân An	2022	Mặt đường BTXM (rộng 3m, dày 18cm, mác 250).	267	267	240	27
3.2	Đường trục thôn Tư Lương, xã Tân An	Xã Tân An	2022	Mặt đường BTXM (rộng 3m, dày 18cm, mác 250).	421	421	379	42

STT	Tên xã/Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Nội dung thiết kế (dự kiến)	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		
						Tổng số	NSTW	Vốn huy động
3.3	Đường ngõ xóm thôn Tân Tự, xã Tân An	Xã Tân An	2022	Mặt đường BTXM (rộng 3m, dày 18cm, mác 250).	59	59	53	6
3.4	Đường ngõ xóm thôn Tân Phong, xã Tân An	Xã Tân An	2023-2025	Mặt đường BTXM (rộng 3m, dày 18cm, mác 250).	626	626	563	63
3.5	Đường trục chính nội đồng thôn Tân Định, xã Tân An	Xã Tân An	2023-2025	Mặt đường BTXM (rộng 3m, dày 18cm, mác 250).	1.173	1.173	1.056	117
4	Xã Cư An				2.499	2.499	2.249	250
4.1	Đường trục thôn Chí Công, xã Cư An	Xã Cư An	2022	Mặt đường BTXM đá 2x4, mác 250 dày 18cm, Mặt đường rộng 3m;	516	516	464	52
4.2	Đường trục thôn An Thuận, xã Cư An	Xã Cư An	2022	Mặt đường BTXM đá 2x4, mác 250 dày 18cm, Mặt đường rộng 3m.	222	222	200	22
4.3	Đường ngõ xóm thôn An Sơn, xã Cư An	Xã Cư An	2023-2025	Mặt đường BTXM đá 2x4, mác 250 dày 18cm, Mặt đường rộng 3m.	124	124	112	12
4.4	Đường ngõ xóm thôn An Định, xã Cư An	Xã Cư An	2023-2025	Mặt đường BTXM đá 2x4, mác 250 dày 18cm, Mặt đường rộng 3m.	556	556	500	56
4.5	Đường ngõ xóm thôn An Thuận, xã Cư An	Xã Cư An	2023-2025	Mặt đường BTXM đá 2x4, mác 250 dày 18cm, Mặt đường rộng 3m.	433	433	390	43
4.6	Đường ngõ xóm thôn Chí Công, xã Cư An	Xã Cư An	2023-2025	Mặt đường BTXM đá 2x4, mác 250 dày 18cm, Mặt đường rộng 3m.	453	453	408	45
4.7	Đường ngõ xóm thôn Hiệp Phú, xã Cư An	Xã Cư An	2023-2025	Mặt đường BTXM đá 2x4, mác 250 dày 18cm, Mặt đường rộng 3m.	194	194	175	19

STT	Tên xã/Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế (dự kiến)	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		
						Tổng số	NSTW	Trong đó: Vốn huy động
5	Xã Phú An				2.546	2.546	2.291	255
5.1	Đường BTXM nội đồng thôn An Phong (xóm 2), xã Phú An (từ cuối đường BTXM ngã 3 nhà ông Thoại đến trại bà Yến)	Xã Phú An	2022	Nền, mặt đường và công trình thoát nước	747	747	672	75
5.2	Đường BTXM nội đồng thôn An Phong (xóm 2), từ trại bà Yến đến trại Ông 5 Mỹ)	Xã Phú An	2023-2025	Nền, mặt đường và công trình thoát nước	1.799	1.799	1.619	180
6	Xã Yang bắc				6.463	6.463	6.204	259
6.1	Mương thoát nước làng Jun, xã Yang Bắc	Xã Yang Bắc	2022	Mương thoát nước kích thước 50x 50cm	533	533	512	21
6.2	Nhà văn hóa làng Bung Bang Hven, xã Yang Bắc	Xã Yang Bắc	2022	Nhà văn hóa diện tích 120m2	868	868	833	35
6.3	Đường BTXM làng Jun, xã Yang Bắc	Xã Yang Bắc	2023-2025	Mặt đường BTXM rộng 3m, dày 25cm kết hợp cống thoát nước và HMP	521	521	500	21
6.4	Đường BTXM làng Bung Bang Hven, xã Yang Bắc	Xã Yang Bắc	2023-2025	Mặt đường BTXM rộng 3,5m, dày 25cm kết hợp cống thoát nước và HMP	1.624	1.624	1.559	65
6.5	Đường BTXM làng Jro Dong, xã Yang Bắc	Xã Yang Bắc	2023-2025	Mặt đường BTXM rộng 3,5m, dày 25cm kết hợp cống thoát nước và HMP	1.563	1.563	1.500	63
6.6	Tường rào cống ngõ và các hạng mục phụ nhà Rông làng Bung Bang Hven, xã Yang Bắc	Xã Yang Bắc	2023-2025	Tường rào cống ngõ và các hạng mục phụ	313	313	300	13
6.7	Nhà văn hóa làng Jro Dong, xã Yang Bắc	Xã Yang Bắc	2023-2025	Nhà văn hóa diện tích 120m2 và các hạng mục phụ	1.042	1.042	1.000	42

STT	Tên xã/Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế (dự kiến)	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		
						Tổng số	NSTW	Trong đó: Vốn huy động
7	Xã Ya Hoi				1.641	1.641	1.575	66
7.1	Đường BTXM từ ngã 03 làng Groi đi làng Ghép (cũ) đến làng Bung Tờ Sớ, xã Ya Hoi	Xã Ya Hoi	2022	Mở rộng nền đường mỗi bên 1m, L= 1km, hệ thống thoát nước.	1.641	1.641	1.575	66
II	Kế hoạch vốn bổ sung				1.971	1.971	1.892	79
1	Trần liên hợp cống qua suối Hway đường nội đồng làng Groi1 đi khu sản xuất làng ghép (cũ)	Xã Ya Hoi	2023-2025	Đặt cống H150 x 150 kết hợp làm nền đường, mặt đường	1.458	1.458	1.400	58
2	Mương thoát nước làng Bung Bang Hven	Xã Yang Bắc	2023-2025	Rãnh thoát nước bằng tấm lát, dài 1.650m	513	513	492	21

50/05/2025



KẾ HOẠCH VON ĐAU TỰ PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2021-2025 TỪ NGUON NGAN SACH TINH HO TRỢ HUYEN

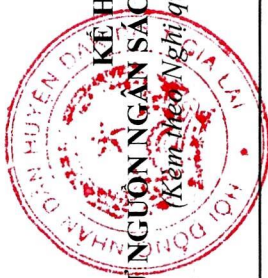
PHÂN ĐẦU ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI

(Kèm theo Nghị quyết số: 125 /NQ-HĐND ngày 20/7/2023 của HĐND huyện Đắk Pơ)

ĐVT: Triệu đồng

Nghị quyết 84/NQ-HĐND và NQ 100/NQ-HĐND					Nội dung điều chỉnh						
STT	TÊN ĐƠN VỊ	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025			Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:		
			Kế hoạch vốn năm 2022	Vốn XSKT kéo dài năm 2021 chuyển sang					Ngân sách tỉnh hỗ trợ	Vốn hợp pháp khác	
	Tổng vốn	6.618	6.618	-	Tổng vốn			7.116	6.618	498	
1	Khu xử lý rác huyện Đắk Pơ, tỉnh Gia Lai	6.618	6.618		Đường liên xã An Thành đi trung tâm huyện (Từ Quốc lộ Trường Sơn Đông đến tổ dân phố 4, thị trấn Đắk Pơ)-giai đoạn 1	Xã An Thành, TT Đắk Pơ	2023-2024	7.116	6.618	498	

banh



ĐVT: Triệu đồng

Nghị quyết 84/NQ-HĐND và NQ 100/NQ-HĐND							Nội dung điều chỉnh						
STT	Tên đơn vị / Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC- HT	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Tên đơn vị/Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		
					Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:	Nguồn vốn hợp pháp khác
	TỔNG CỘNG			6.618	6.618	-	6.618			7.116	7.116	6.618	498
1	Nguồn vốn xổ số kiến thiết			6.618	6.618	-	6.618			7.116	7.116	6.618	498
	Khu xử lý rác huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai	Đak Pơ	2022- 2023	6.618	6.618	-	6.618	Đường liên xã An Thành đi trung tâm huyện (Từ Quốc lộ Trường Sơn Đông đến tổ dân phố 4, thị trấn Đak Pơ)-giai đoạn I	Xã An Thành, TT Đak Pơ	7.116	7.116	6.618	498

22/11/20